CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Xây dựng số 9 - VC9

Ngày 31/12/2024	4,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.3%	**9.3%**	**6.8%**

DT thuần
Q4/24
75.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.4| 53.8%
YoY: ▼25.5| -25.2%

LN thuần
Q4/24
-0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.70| -118%
YoY: ▼0.12| -1176%

LN sau thuế
Q4/24
0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.16| 264%
YoY: ▼0.65| -74.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
4.3%
YoY: +/-▼ 7.6%

ROE
2024
1.3%
YoY: +/-▼ 2.5%

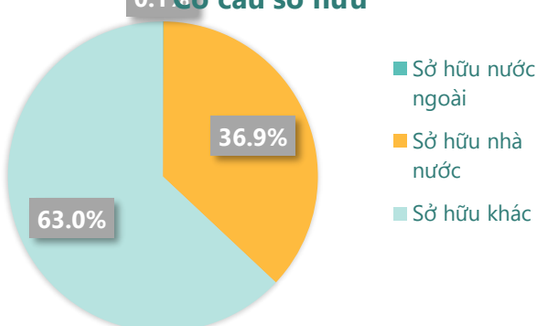
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 5,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	78
Số lượng CPLH (CP)	16,695,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,470
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.13
EPS	47
P/E	99.4

DT thuần
2024
234
tỷ VNĐ
YoY: ▼34.0| -12.9%

LN thuần
2024
1.27
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.05| -3.2%

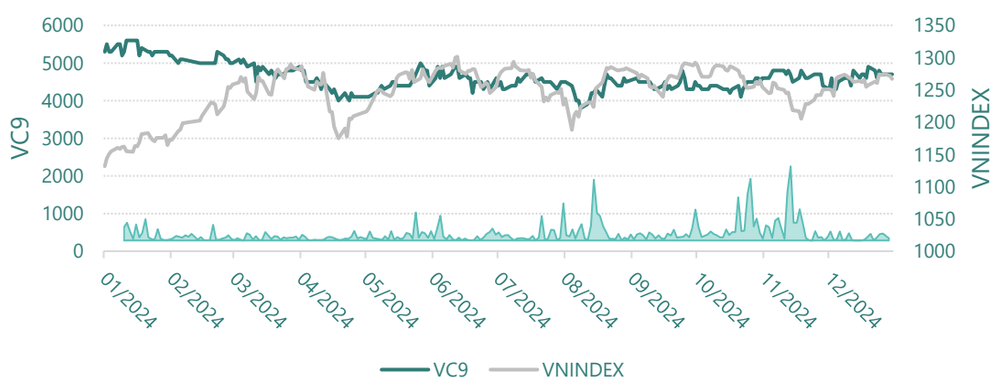
LN sau thuế
2024
0.79
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.61| -43.5%

Cơ cấu sở hữu

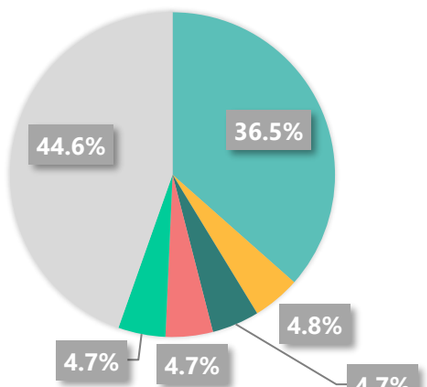


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



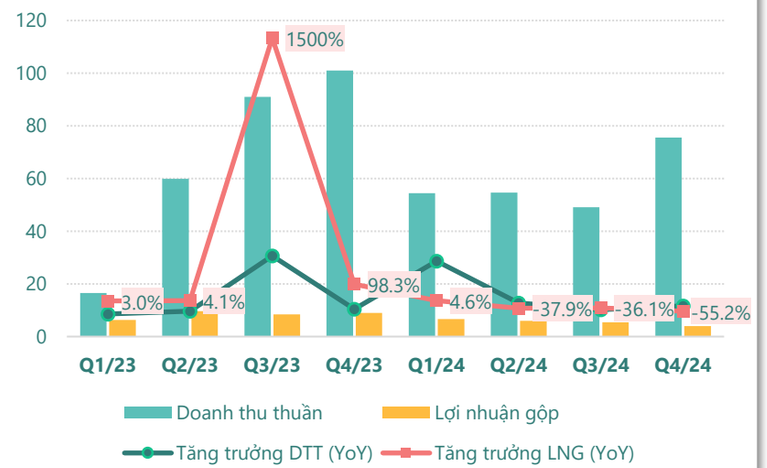
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

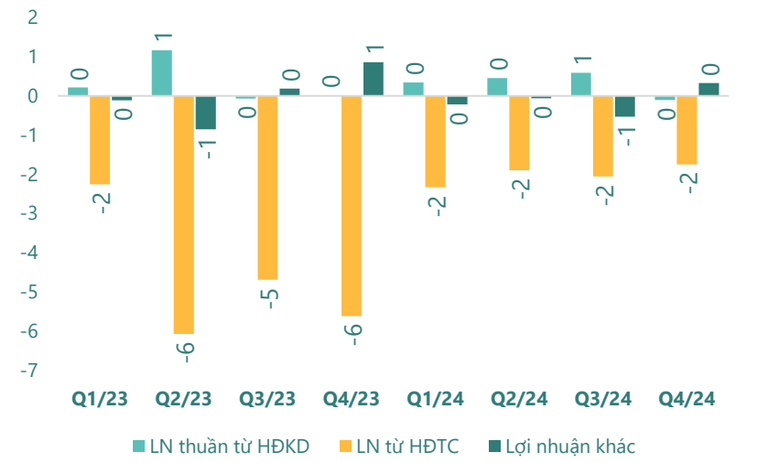
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



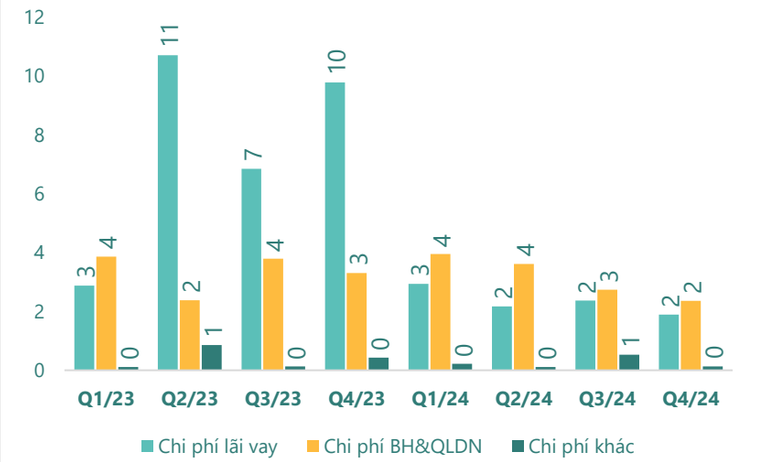
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



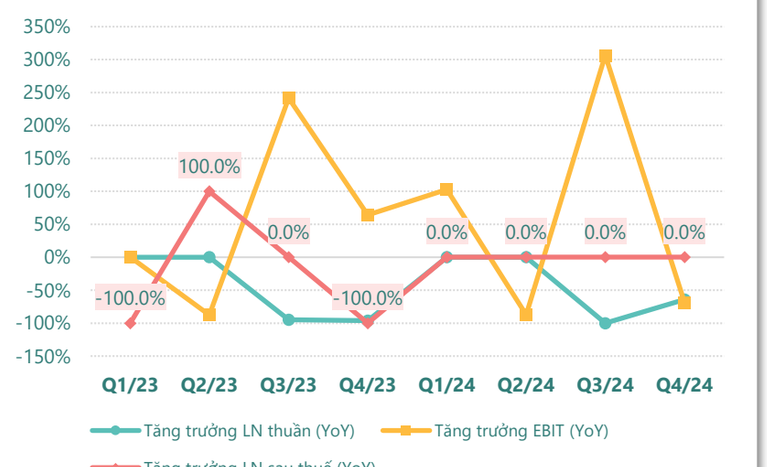
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



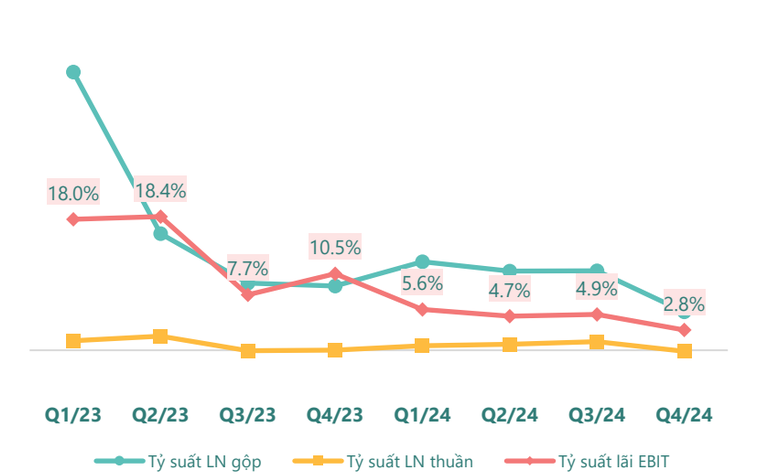
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



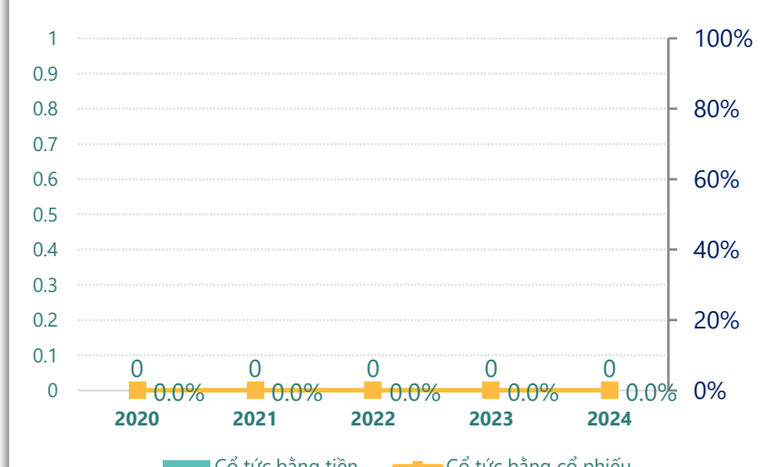
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

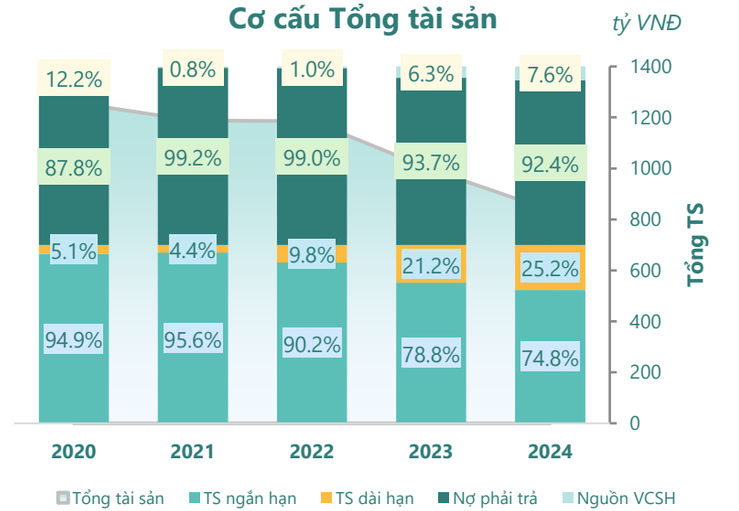
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

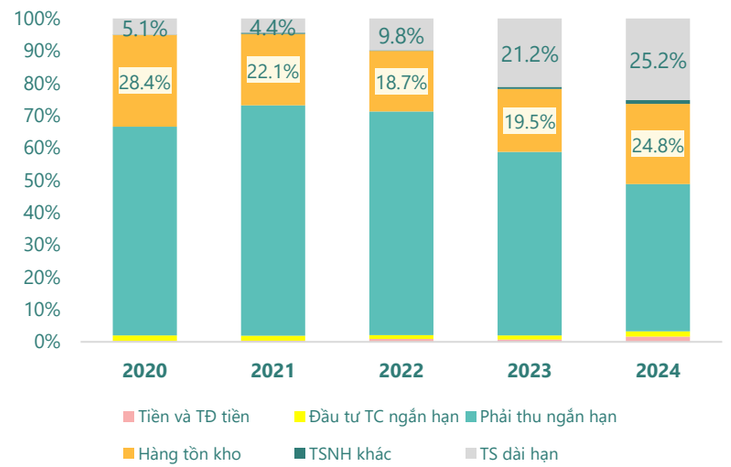
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



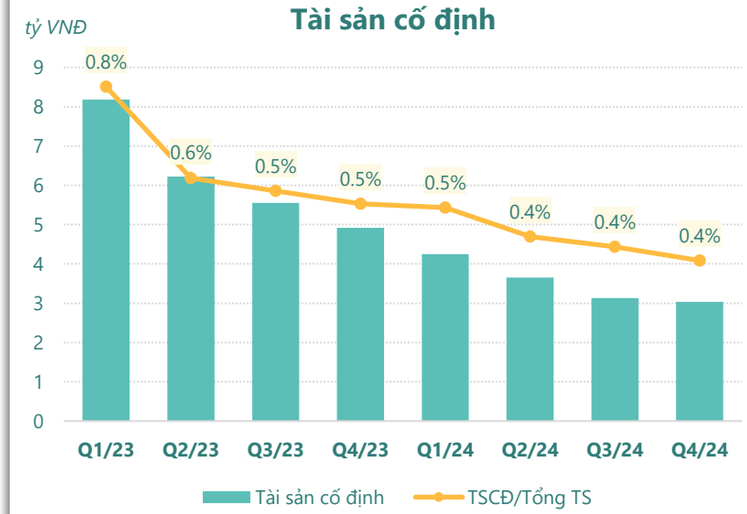
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



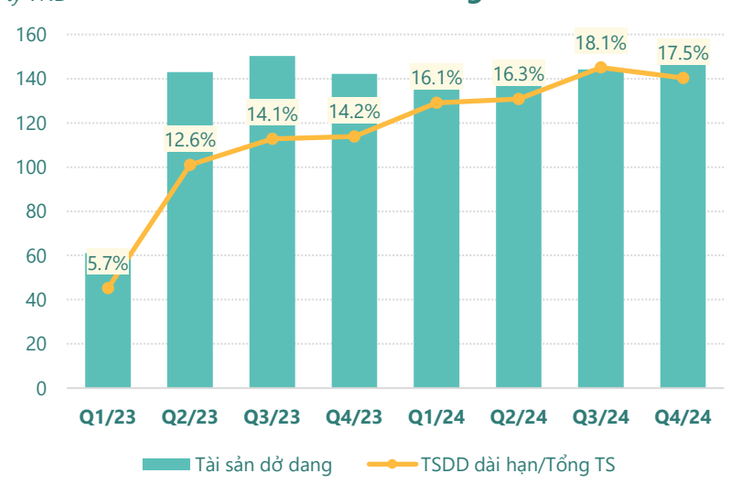
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



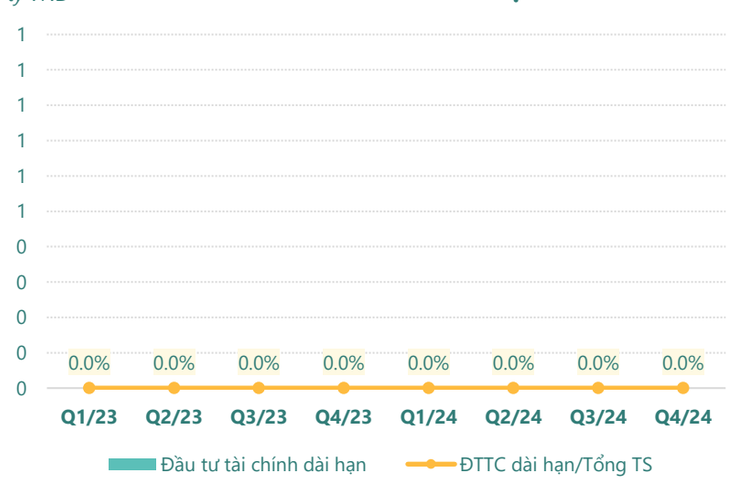
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



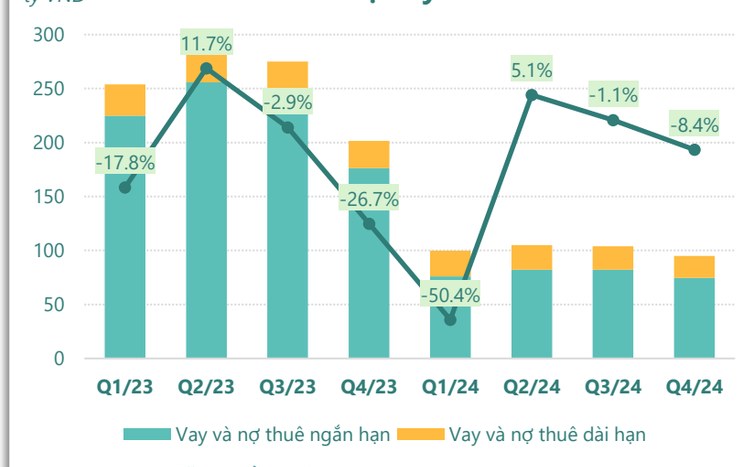
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

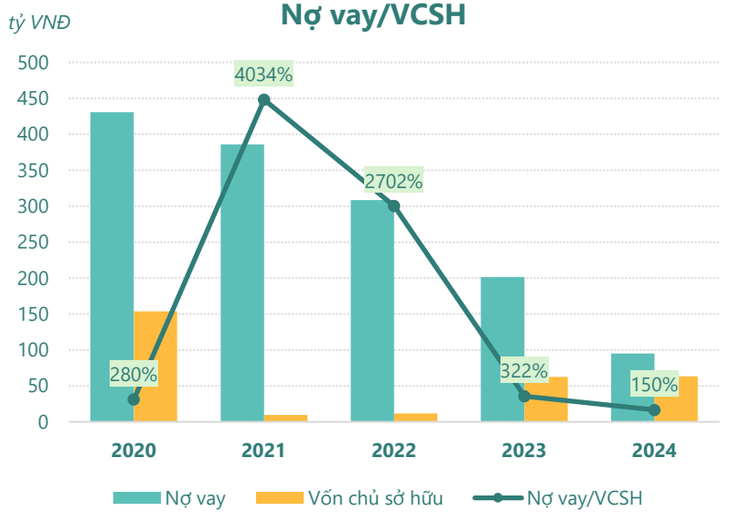
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



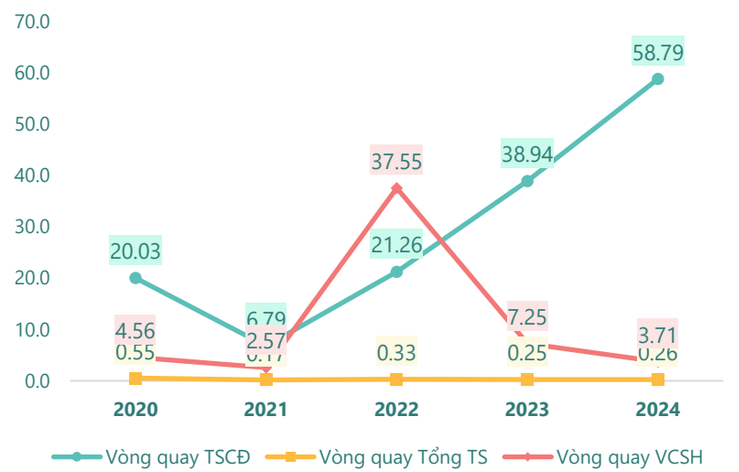
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



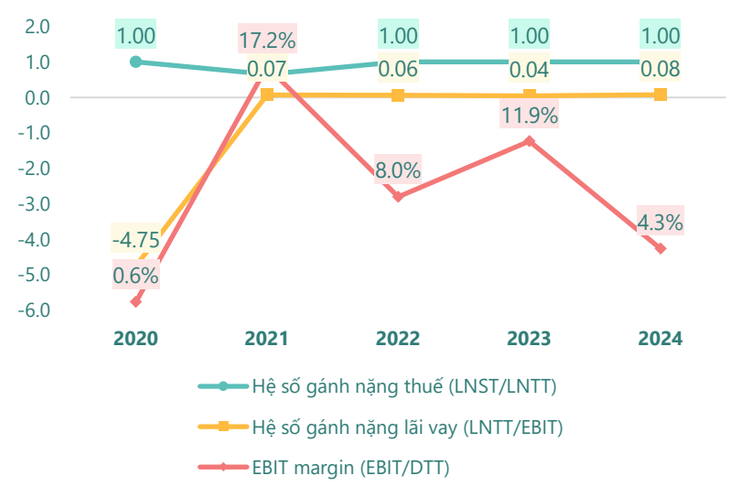
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



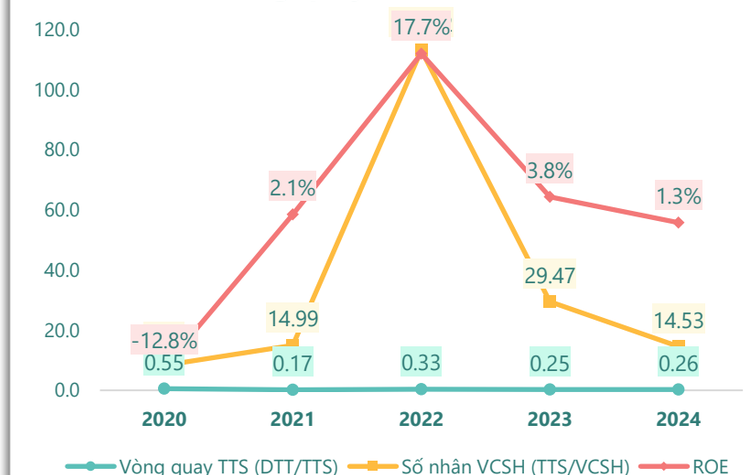
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



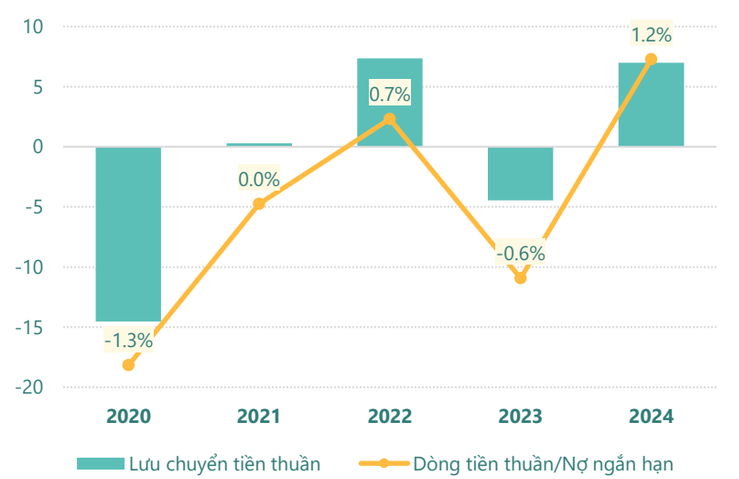
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**75.5**	**101**	**-25.2%**	**234**	**268**	**-12.9%**
Giá vốn hàng bán	71.5	92.1	-22.3%	212	234	-9.4%
Lợi nhuận gộp	4.00	8.94	-55.2%	22.0	34.7	-36.7%
Doanh thu HĐTC	0.14	4.17	-96.5%	1.34	10.5	-87.3%
Chi phí TC	1.89	9.79	-80.7%	9.37	30.6	-69.4%
Chi phí lãi vay	1.89	9.79	-80.7%	9.37	30.6	-69.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.37**	**3.31**	**-28.5%**	**12.7**	**13.4**	**-5.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.11	0.01	-1176%	1.27	1.32	-3.2%
Lợi nhuận khác	**0.33**	**0.86**	**-62.1%**	**-0.49**	**0.08**	**-711%**
LN trước thuế	0.22	0.87	-74.9%	0.79	1.40	-43.5%
Lợi nhuận sau thuế	**0.22**	**0.87**	**-74.9%**	**0.79**	**1.40**	**-43.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.22**	**0.87**	**-74.9%**	**0.79**	**1.40**	**-43.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.5	-18.3	93.5	-11.9	-15.0	20.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-76.1	97.1	6.64	4.31	15.5	0.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	41.5	-73.4	-102	5.07	-1.19	-8.77
Tiền đầu kỳ	1.34	1.32	6.76	5.21	2.67	1.97
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.02**	**5.44**	**-1.55**	**-2.54**	**-0.70**	**11.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.32	6.76	5.21	2.67	1.97	13.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**836**	**996**	**-16.1%**
Tài sản ngắn hạn	625	786	-20.5%
Tiền và tương đương tiền	13.7	6.76	103%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.3	13.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	381	565	-32.6%
Hàng tồn kho	207	195	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	9.78	5.87	66.6%
Tài sản dài hạn	**211**	**211**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.03	4.92	-38.3%
Bất động sản đầu tư	6.39	6.58	-3.0%
Tài sản dở dang	147	142	3.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**54.9**	**57.1**	**-3.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	772	934	-17.3%
Nợ ngắn hạn	**569**	**750**	**-24.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.6	176	-57.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	214	236	-9.3%
Nợ dài hạn	203	184	10.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.4	25.2	-19.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**63.4**	**62.6**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**63.4**	**62.6**	**1.3%**
Vốn điều lệ	170	170	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)